

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1810/UBND-TH

V/v chuẩn bị các nội dung làm
việc với Đoàn giám sát của
HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát
triển kinh tế - xã hội năm 2018

Ngọc Hồi, ngày 11 tháng 9 năm 2018

Kính gửi:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 84/HĐND-TH ngày 04/9/2018 của Thường trực HĐND tỉnh về việc báo cáo phục vụ đoàn giám sát của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 (Có Công văn và Đề cương báo cáo giám sát kèm theo), UBND huyện yêu cầu:

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND huyện xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kết luận kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016.

2. UBND các xã, thị trấn xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 trên địa bàn.

3. Báo cáo của các đơn vị gửi về UBND huyện (qua Văn phòng HĐND và UBND huyện) **trước ngày 18/9/2018** (đồng thời gửi file văn bản vào hộp thư điện tử: maivantrungkt@gmail.com).

UBND huyện yêu cầu các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PVP;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TH.

- em

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



lauch

Trần Văn Chí



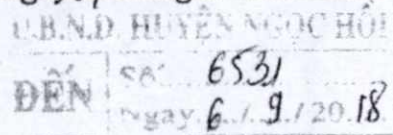
**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84/HĐND-TH

Kon Tum, ngày 04 tháng 9 năm 2018

V/v báo cáo phục vụ đoàn giám sát
của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát
triển kinh tế - xã hội năm 2018



Kính gửi:

KHẨN

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thành lập đoàn giám sát về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước Khu vực XII tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Kon Tum, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

1. UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng báo cáo để làm việc với Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh (theo Đề cương báo cáo gửi kèm).

2. UBND cấp huyện sao gửi và hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện báo cáo theo đề cương gửi kèm; đồng thời, tổng hợp và gửi báo cáo chính thức của UBND cấp xã về Đoàn giám sát HĐND tỉnh khi có yêu cầu.

3. Gửi báo cáo đến Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 20/9/2018 (qua Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, số 196 đường Bà Triệu, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và gửi file báo cáo (file *.doc và *.pdf) theo địa chỉ email: cthd.hdnd@gmail.com).

* **Ghi chú:** Thời gian và địa điểm Đoàn giám sát làm việc sẽ được Thường trực HĐND tỉnh thông báo sau.

Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành, địa phương quan tâm phối hợp, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên Phòng CTHĐ;
- Lưu: VT-HĐ.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Kring Ba



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 24/HĐND-TH ngày 04/4/2018
của Thường trực HĐND tỉnh)

A. ĐỐI VỚI UBND TỈNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

Đề nghị UBND tỉnh và địa phương so sánh, phân tích, đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 (số liệu báo cáo đến thời điểm ngày 31/8/2018, ước thực hiện đến 31/12/2018); báo cáo cần nêu đầy đủ những kết quả đạt được, tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân đối với từng lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, công tác nội vụ, thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đối ngoại,... và đưa ra các kiến nghị, đề xuất đối với cơ quan có thẩm quyền xem xét, trả lời, giải quyết. Trong đó, tập trung vào một số nội dung chính sau:

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các ngành

1.2. Thu - chi ngân sách

- Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách so với chỉ tiêu Trung ương giao và Hội đồng nhân dân giao.

- Kết quả triển khai thực hiện công tác thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế trong năm 2018.

1.3. Đầu tư phát triển

- Tình hình thực hiện các nguồn vốn đầu tư công thuộc ngân sách nhà nước trong năm 2018.

- Tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư công trong năm 2018, xác định cụ thể các dự án chậm giải ngân vốn, không đạt tiến độ theo kế hoạch; phân tích làm rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của các hạn chế này. Trong đó, cần lưu ý báo cáo tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư trọng điểm trong năm 2018, như: Khu trung tâm hành chính mới của tỉnh; Khu trung tâm huyện Ia H'Drai (Có Biểu mẫu kèm theo).

- Tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án do tỉnh và các huyện, thành phố quản lý.

- Kết quả rà soát, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh (huyện, thành phố).

1.4. Phát triển các ngành kinh tế

a) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về nông, lâm nghiệp và thủy sản đến ngày 31/8/2018 và dự kiến đến hết năm 2018.

- Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng năm 2018 trên địa bàn tỉnh. Kết quả thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2017 và tình hình thực hiện trong năm 2018.

- Kết quả thực hiện các chủ trương, đề án về:

+ Đầu tư, phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện các liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp.

+ Chuyển đổi, tích tụ đất nông nghiệp để xây dựng "cánh đồng lớn".

+ Phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

+ Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững.

+ Hỗ trợ phát triển cây cà phê xứ lạnh.

+ Hỗ trợ phát triển cao su tiêu điện.

b) Công nghiệp - xây dựng

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất công nghiệp, xây dựng đến ngày 31/8/2018 và dự kiến đến hết năm 2018.

- Phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động của một số ngành công nghiệp được địa phương chú trọng, như: công nghiệp khai khoáng; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp phân phối điện, nước. Các khó khăn, vướng mắc chủ yếu mà các doanh nghiệp trên địa bàn đang gặp phải.

- Công tác kiểm tra, sắp xếp các cơ sở chế biến lâm sản trên địa bàn tỉnh.

c) Thương mại - dịch vụ

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về thương mại, dịch vụ đến ngày 31/8/2018 và dự kiến đến hết năm 2018.

- Kết quả kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại.

- Tình hình phát triển ngành du lịch trên địa bàn; những khó khăn, vướng mắc cần tập trung tháo gỡ để phát huy tiềm năng này của tỉnh.

1.5. Môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển doanh nghiệp

- Công tác xúc tiến đầu tư vào các vùng kinh tế động lực của tỉnh. Tổng số dự án thu hút đầu tư vào địa bàn các huyện, thành phố (đến ngày 31/8/2018), trong đó đề nghị nêu rõ:

+ Các dự án đã đi vào hoạt động; sản phẩm chủ yếu của dự án; số lao động được giải quyết việc làm khi dự án đi vào hoạt động; thu nhập bình quân.

+ Các dự án chưa đi vào hoạt động.

(Có phụ lục các dự án đầu tư thu hút vào địa bàn kèm theo)

- Kết quả thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh năm 2017.

- Kết quả triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp trong năm 2018 (Số doanh nghiệp được hình thành và đi vào hoạt động; sản phẩm chủ yếu, ...).

1.6. Các chương trình mục tiêu quốc gia

- Tình hình quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2018.

- Kết quả triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới so với mục tiêu Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2020, có tính đến năm 2025 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016.

1.7. Công tác phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tình hình thực hiện việc bố trí, sắp xếp lại dân cư

- Kết quả triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các nhà máy, khu, cụm công nghiệp...; các giải pháp giảm thiểu tình trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên trái phép.

- Công tác phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai; ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra.

- Tiến độ triển khai thực hiện các dự án bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn (như: bố trí, sắp xếp dân cư ở vùng biên giới, vùng thiên tai sạt lở, vùng đặc biệt khó khăn và bố trí, sắp xếp dân di cư tự do, ...).

1.8. Công tác quản lý việc giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Kết quả giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018. Trong đó, đi sâu đánh giá hiệu quả giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và tiến độ đầu tư của những dự án này

(có phụ lục so sánh kết quả thực hiện của năm 2018 so với năm 2017); các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có).

2. Về văn hóa - xã hội

2.1. Lao động, việc làm, thực hiện chế độ, chính sách xã hội, giảm nghèo

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu dạy nghề, tư vấn, giới thiệu và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn.

- Công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Kết quả xử lý nợ bảo hiểm xã hội, giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

- Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2018 trên địa bàn.

- Tình hình thực hiện chương trình chăm sóc và bảo vệ trẻ em; công tác bình đẳng giới.

- Kết quả giải quyết chế độ, chính sách đối với người có công năm 2018; công tác bảo trợ xã hội.

- Công tác quản lý và đầu tư, duy tu bảo dưỡng các công trình nghĩa trang liệt sĩ, nhà bia tưởng niệm.

- Tình hình an toàn lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.2. Giáo dục và đào tạo

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về Giáo dục - Đào tạo năm học 2017 - 2018; công tác chuẩn bị và kết quả huy động học sinh các bậc học ra lớp đầu năm học 2018 - 2019.

- Kết quả thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn.

2.3. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Công tác y tế dự phòng.

- Công tác khám chữa bệnh, phục hồi chức năng.

- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn (cụ thể số lượng tham gia theo từng nhóm đối tượng). Trong đó nêu rõ: kết quả mở rộng đối tượng tham gia BHYT đối với: người thuộc gia đình hộ cận nghèo; học sinh, sinh viên; theo hộ gia đình; các khó khăn, vướng mắc, nhất là đối với các đối tượng chưa tham gia BHYT và nguyên nhân.

- Công tác tổ chức khám chữa bệnh (KCB) cho người tham gia BHYT:

- + Triển khai ký kết hợp đồng KCB BHYT của các cơ sở y tế ở các tuyến.

- + Cung ứng dịch vụ KCB BHYT của cơ sở y tế.

+ Công tác triển khai thực hiện thông tuyến KCB năm 2018 (so sánh với năm 2017).

+ Việc thanh toán chi phí KCB theo các phương thức áp dụng.

+ Cải cách hành chính trong thủ tục cấp, đổi, thu hồi tạm giữ thẻ; trong thanh toán KCB.

+ Đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân trong tổ chức KCB BHYT.

- Công tác quản lý, phân bổ, sử dụng Quỹ BHYT:

+ Tình hình thu, chi và kết dư quỹ.

+ Tình hình phân bổ kết dư quỹ cho địa phương và sử dụng quỹ kết dư.

2.4. Văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về văn hóa, thể dục thể thao; thông tin truyền thông.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý di sản văn hóa trên địa bàn.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả làm việc, liên thông phần mềm eoffice giữa các đơn vị; tích hợp chữ ký số vào phần mềm eoffice.

- Công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực truyền hình, internet, dịch vụ thuê bao di động trả trước trên địa bàn tỉnh.

3. Về công tác nội vụ, thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

+ Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các thủ tục hành chính không còn phù hợp (đề nghị báo cáo cụ thể số lượng, tên loại thủ tục hành chính được thay thế, bổ sung, sửa đổi).

+ Việc triển khai thực hiện và hiệu quả của việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cao Chỉ số PAPI (quản trị hành chính công) của tỉnh so với các năm trước.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng, lãng phí và xử lý các trường hợp vi phạm. Việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra (trong đó, nêu rõ kết quả thu hồi tài sản và tiền sai phạm, nộp ngân sách nhà nước).

- Tình hình công tác tiếp dân và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

4. Về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

- Tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn trong năm 2018;

- Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người.

II. Đánh giá chung

1. Về ưu điểm

2. Về hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc

*** Đề nghị làm rõ:**

+ Những hạn chế, thiếu sót của địa phương, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện.

+ Các khó khăn, vướng mắc mà đơn vị, địa phương đang gặp phải; các phát sinh, bất cập về cơ chế, chính sách, về chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp (nếu có)... đang làm cản trở, gây khó khăn hoặc làm giảm hiệu quả, chất lượng tổ chức thực hiện nội dung giám sát, cần phải được sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Về nguyên nhân

III. Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019

1. Dự báo những thuận lợi và khó khăn làm ảnh hưởng đến việc đề ra và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu.

3. Nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu trên các lĩnh vực trong năm 2019.

IV. Kiến nghị đề xuất

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với cấp tỉnh:

+ Đối với Tỉnh ủy.

+ Đối với HĐND tỉnh.

+ Đối với UBND tỉnh.

B. ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CỦA TỈNH

I. Tình hình thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao năm 2018

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho đơn vị: (Đề nghị làm rõ kết quả thực hiện từng nhiệm vụ được giao; các chỉ tiêu đạt, không đạt so với kế hoạch năm 2017). (số liệu báo cáo đến thời điểm ngày 31/8/2018, ước thực hiện đến 31/12/2018)

2. Tiến độ thực hiện một số dự án, công trình do đơn vị làm chủ đầu tư hoặc thực hiện (nếu có).

3. Đối với công tác quản lý việc giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất: Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo, làm rõ thêm về nội dung, số liệu liên quan đến công tác quản lý đất đai theo đề cương nêu tại Điểm 1.9 Mục I Phần A của Đề cương báo cáo.

4. Đối với công tác khám chữa bệnh: Đề nghị Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá công tác khám chữa bệnh đối với người tham gia bảo hiểm y tế và người không tham gia bảo hiểm y tế.

II. Đánh giá chung về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ UBND tỉnh giao

1. Về ưu điểm: So với chỉ tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ nào đã hoàn thành, có khả năng hoàn thành và hoàn thành vượt mức đã đề ra.

2. Về hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc

3. Nguyên nhân: Cần chú ý làm rõ nguyên nhân liên quan đến các chỉ tiêu chưa đạt theo Kế hoạch giao năm 2018 (nhất là nguyên nhân chủ quan thuộc về trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của lãnh đạo và đội ngũ công chức của đơn vị).

III. Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019

Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện trong năm 2019.

IV. Kiến nghị đề xuất:

- Đối với Trung ương.
- Đối với cấp tỉnh.

C. ĐỐI VỚI UBND CẤP XÃ

I. Tình hình thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được UBND huyện, thành phố giao năm 2018

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được UBND huyện, thành phố giao cho địa phương. Đề nghị làm rõ kết quả thực hiện từng nhiệm vụ được giao; các chỉ tiêu đạt, không đạt so với kế hoạch năm 2018.

II. Đánh giá chung về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ UBND huyện, thành phố giao

1. Về ưu điểm

2. Về hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc

*** Đề nghị làm rõ:**

+ Những hạn chế, thiếu sót của địa phương, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện.

+ Các khó khăn, vướng mắc mà đơn vị, địa phương đang gặp phải; các phát sinh, bất cập về cơ chế, chính sách, về chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp (nếu có)... đang làm cản trở, gây khó khăn hoặc làm giảm hiệu quả, chất lượng tổ chức thực hiện nội dung giám sát, cần phải được sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Nguyên nhân

Đề nghị làm rõ nguyên nhân chủ quan thuộc về trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của chính quyền, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp.

III. Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019

IV. Kiến nghị đề xuất

- Đối với cấp Trung ương.
- Đối với cấp tỉnh.
- Đối với cấp huyện.

D. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016

1. Căn cứ kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực XII, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh và một số Sở, ban, ngành, địa phương báo cáo kết quả triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Kon Tum đối với những nội dung **chưa được giải quyết dứt điểm** như đề cập của Kiểm toán nhà nước khu vực XII tại Báo cáo kèm theo Văn bản số 241/KVXII-TH ngày 27/6/2018 về việc gửi Báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán.

2. Báo cáo nêu rõ những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân trong quá trình thực hiện các kiến nghị.

3. Kiến nghị, đề xuất hướng giải quyết.

*** Ghi chú:**

- Đối với việc đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân, đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp đầy đủ số liệu, bảng biểu so sánh, nêu rõ địa chỉ cụ thể, không nói chung chung.

- Ngoài các nội dung được đề cập tại đề cương này, đề nghị UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện, xã bổ sung những nội dung khác mà đơn vị đã thực hiện và thấy cần thiết.

- Các vấn đề còn chưa rõ, đề nghị cơ quan, đơn vị địa phương liên hệ đồng chí Nguyễn Minh Khương - Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh. Số điện thoại: 0123.221.0288.

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018,
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2019**

(Kèm theo Công văn số .../HĐND-TH ngày .../.../2018 của Thường trực HĐND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)		Dự kiến kế hoạch năm 2019
				Kế hoạch	Thực hiện đến 31/8/2018	Ước thực hiện cả năm	Ước TH năm 2018/KH năm 2018	Ước TH năm 2018/ TH năm 2017	
A	B	C	1	2	3	4	5=4/2	6=4/1	7
I	Một số chỉ tiêu tổng hợp								
1	Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tính								
-	Theo giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	Nông, lâm, thủy sản	"							
	Công nghiệp, xây dựng	"							
	Dịch vụ	"							
	Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP								
-	Theo giá hiện hành	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	Nông, lâm, thủy sản	"							
	Công nghiệp, xây dựng	"							
	Dịch vụ	"							
	Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP								
2	GRDP bình quân đầu người	Tr.đồng							
3	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn so với năm trước	%							
	Trong đó:								
	Nông, lâm, thủy sản	%							
	Công nghiệp, xây dựng	%							
	Dịch vụ	%							
	Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	%							
4	Cơ cấu tổng giá trị gia tăng theo nhóm ngành (giá hiện hành)	%							
	Trong đó:								
	Nông, lâm, thủy sản	%							
	Công nghiệp, xây dựng	%							
	Dịch vụ	%							
	Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	%							
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng							
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD							
7	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD							
8	Tổng thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng							
a)	Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng							
-	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng							
-	Thu nội địa	Tỷ đồng							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)		Dự kiến kế hoạch năm 2019
				Kế hoạch	Thực hiện đến 31/8/2018	Ước thực hiện cả năm	Ước TH năm 2018/KH năm 2018	Ước TH năm 2018/TH năm 2017	
A	B	C	1	2	3	4	5=4/2	6=4/1	7
b)	Ghi thu ghi chi qua ngân sách	Tỷ đồng							
9	Chi ngân sách (bao gồm cả chuyển nguồn, trung ương bổ sung trong năm)	Tỷ đồng							
9.1	Chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng							
a)	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng							
-	Vốn cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
+	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tỷ đồng							
+	Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng							
-	Hỗ trợ đầu tư theo các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia từ Ngân sách Trung ương	Tỷ đồng							
b)	Chi thường xuyên	Tỷ đồng							
9.2	Ghi thu ghi chi qua ngân sách, chi từ nguồn sử dụng rừng	Tỷ đồng							
9.3	Bội thu NSDP	Tỷ đồng							
10	Tín dụng								
a)	Vốn huy động	Tỷ đồng							
-	Tiền gửi tiết kiệm	"							
-	Tiền gửi thanh toán	"							
-	Phát hành giấy tờ có giá	"							
b)	Tổng dư nợ tín dụng	"							
-	Ngắn hạn	"							
-	Trung hạn, dài hạn	"							
c)	Nợ xấu (Nợ nhóm 3,4,5)	"							
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ	"							
II	Các chỉ tiêu Nông nghiệp, Công nghiệp, Dịch vụ, Xuất nhập khẩu								
II.1	Nông nghiệp								
1	Tổng giá trị sản xuất (giá cố định 2010)	Tỷ đồng							
-	Nông nghiệp	Tỷ đồng							
+	Trồng trọt	"							
+	Chăn nuôi	"							
+	Dịch vụ	"							
-	Lâm nghiệp	Tỷ đồng							
-	Thủy sản	Tỷ đồng							
+	Nuôi trồng	"							
-	Khai thác	"							
2	Diện tích, sản lượng một số cây trồng chủ yếu								
2.1	Trồng trọt								
a)	Diện tích								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)		Dự kiến kế hoạch năm 2019
				Kế hoạch	Thực hiện đến 31/8/2018	Ước thực hiện cả năm	Ước TH năm 2018/KH năm 2018	Ước TH năm 2018/ TH năm 2017	
A	B	C	1	2	3	4	5=4/2	6=4/1	7
	- Lúa cả năm	Ha							
	+ Lúa đông xuân	"							
	+ Lúa mùa	"							
	- Cà phê	Ha							
	Trong đó: Diện tích trồng mới	"							
	Diện tích kinh doanh	"							
	- Cao su	Ha							
	Trong đó: Diện tích trồng mới	"							
	Diện tích kinh doanh	"							
	- Sắn	Ha							
	- Mía	Ha							
	- Ngô	Ha							
b)	Sản lượng sản phẩm chủ yếu:								
	- Sản lượng lương thực có hạt	Tấn							
	Trong đó: Thóc	"							
	Ngô	"							
	- Cà phê nhân	Tấn							
	- Cao su mù tươi	"							
	- Sắn	"							
	- Mía cây	"							
2.2	Chăn nuôi								
	- Đàn trâu	Con							
	- Đàn bò	"							
	- Đàn lợn	"							
2.3	Lâm nghiệp								
	- Trồng rừng tập trung	Ha							
	- Khoản quản lý bảo vệ rừng	Ha							
	- Chăm sóc rừng trồng	Ha							
2.4	Thủy sản								
	- Nuôi trồng thủy sản								
	+ Diện tích nuôi ao hồ nhỏ	Ha							
	+ Diện tích nuôi mặt nước lớn	Ha							
	+ Tổng số lồng nuôi thủy sản	Lồng							
	- Sản lượng thủy sản	Tấn							
	+ Sản lượng khai thác	Tấn							
	+ Sản lượng nuôi trồng	Tấn							
II.2	Công nghiệp								
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định 2010)	Tỷ đồng							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)		Dự kiến kế hoạch năm 2019
				Kế hoạch	Thực hiện đến 31/8/2018	Ước thực hiện cả năm	Ước TH năm 2018/KH năm 2018	Ước TH năm 2018/ TH năm 2017	
A	B	C	1	2	3	4	5=4/2	6=4/1	7
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp so với cùng kỳ theo gốc năm 2010	%							
	- Công nghiệp khai khoáng	%							
	- Công nghiệp chế biến chế tạo	%							
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	%							
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%							
3	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu								
	Tinh bột sắn	Tấn							
	Đường	Tấn							
	Gỗ cưa hoặc xẻ (trừ gỗ xẻ tà vẹt)	M3							
	Điện sản xuất	Triệu Kw/h							
	Điện thương phẩm	Triệu Kw/h							
	Nước máy	1000 M3							
II.3	Du lịch								
	- Tổng lượt khách	L/khách							
	+ Khách quốc tế	"							
	+ Khách nội địa	"							
	- Tổng doanh thu	Tỷ đồng							
	- Công suất sử dụng phòng	%							
II.4	Xuất nhập khẩu								
1	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu								
	- Bàn, ghế gỗ các loại	Sản phẩm							
	- Tinh bột sắn	Triệu đồng							
	- Cao su thô	"							
	- Cà phê nhân	"							
2	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu	Triệu đồng							
	- Phân bón các loại	"							
	- Gỗ tròn, gỗ xẻ	"							
III	Các chỉ tiêu văn hóa - xã hội								
1	Dân số								
	- Dân số trung bình	Người							
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%							
	- Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé							
2	Lao động và việc làm								
	- Tổng số lao động đang làm việc	Người							
	- Số người được giải quyết việc làm (tăng thêm trong năm)	Người							
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo	%							
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề	%							
	- Dạy nghề lao động nông thôn (QĐ 1956)	Người							
3	Giảm nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)								

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)		Dự kiến kế hoạch năm 2019
				Kế hoạch	Thực hiện đến 31/8/2018	Ước thực hiện cả năm	Ước TH năm 2018/KH năm 2018	Ước TH năm 2018/ TH năm 2017	
A	B	C	1	2	3	4	5=4/2	6=4/1	7
	- Số hộ nghèo	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%							
	- Số hộ cận nghèo	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo	%							
	- Số hộ thoát nghèo	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ thoát nghèo	%							
	- Số hộ thoát cận nghèo	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ thoát cận nghèo	%							
	- Số hộ tái nghèo	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ tái nghèo	%							
4	Giáo dục và Đào tạo								
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh							
	+ Nhà trẻ	"							
	+ Mẫu giáo	"							
	+ Tiểu học	"							
	+ Trung học cơ sở	"							
	+ Trung học phổ thông	"							
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi nhà trẻ	%							
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%							
	+ Tiểu học	"							
	+ Trung học cơ sở	"							
	+ Trung học phổ thông	"							
5	Y tế								
	- Tỷ lệ bao phủ y tế	%							
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường							
	- Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ							
	- Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (giai đoạn 2011-2020)	%							
	- Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ	%							
	- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	%							
	- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	%							
	- Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%							
	- Tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống	%							
	- Số người tham gia bảo hiểm y tế	Người							
6	Văn hoá, thể thao, thông tin, truyền thông								
	- Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	Xã, phường							
	- Tỷ lệ xã, phường có trung tâm văn hóa, thể thao	%							
	- Số đơn vị cơ quan Nhà nước có trang tin điện tử riêng	Đơn vị							
	- Số đơn vị cơ quan hành chính có sử dụng các phần mềm ứng dụng trong hoạt động quản lý văn bản	Đơn vị							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)		Dự kiến kế hoạch năm 2019
				Kế hoạch	Thực hiện đến 31/8/2018	Ước thực hiện cả năm	Ước TH năm 2018/KH năm 2018	Ước TH năm 2018/ TH năm 2017	
A	B	C	1	2	3	4	5=4/2	6=4/1	7
7	Trẻ em; bảo trợ xã hội; người có công								
	- Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã							
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%							
	- Tổng số người đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội	người							
	- Tổng số người đang hưởng chính sách người có công	người							
8	Cơ sở hạ tầng xã								
	- Tỷ lệ thôn có điện	%							
	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện	%							
IV	Các chỉ tiêu về môi trường và phát triển bền vững								
1	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý ở đô thị	%							
2	Tỷ lệ độ che phủ rừng (có tính cây cao su)	%							
3	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%							
4	Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng sử dụng công nghệ sạch hoặc có thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường	%							
5	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động	Khu							
6	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu							

Tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư công trong năm 2018

(Kèm theo Công văn số .../HĐND-TH ngày .../.../2018 của Thường trực HĐND tỉnh)

Đvt: triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian TK-HT	Tổng mức đầu tư	Tiến độ thực hiện	Nguyên nhân chậm tiến độ	Ghi chú
I	I. Dự án chuyển tiếp						
1	Dự án đảm bảo tiến độ thực hiện						
1.1							
2	Dự án chậm tiến độ						
2.1							
3	Dự án chậm giải ngân vốn						
3.1							
II	II. Dự án triển khai trong năm 2018						
1	Dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư						
1.1							
2	Dự án chậm tiến độ						
2.1							
3	Dự án chậm giải ngân vốn						
3.1							